

CHÍNH PHỦ
Số: 88/2008/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH
Về xác định lại giới tính

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Điều 36 Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Nghị định này quy định việc xác định lại giới tính đối với người có khuyết tật bẩm sinh về giới tính hoặc giới tính chưa được định hình chính xác.
- Nghị định này áp dụng với các tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Khuyết tật bẩm sinh về giới tính* là những bất thường ở bộ phận sinh dục của một người ngay từ khi mới sinh ra, biểu hiện ở một trong các dạng như nữ lưỡng giới giả nam, nam lưỡng giới giả nữ hoặc lưỡng giới thật;
- Giới tính chưa được định hình chính xác* là những trường hợp chưa thể phân biệt được một người là nam hay nữ xét về cả bộ phận sinh dục và nhiễm sắc thể giới tính;
- Gen biệt hóa tinh hoàn* là gen mã hóa yếu tố xác định tinh hoàn nằm trên nhánh gần của nhiễm sắc thể Y mà nếu xét nghiệm cho kết quả dương tính thì đó chính là yếu tố của sự phát triển, hình thành tinh hoàn có biểu hiện cho nam giới.

Điều 3. Nguyên tắc xác định lại giới tính

- Bảo đảm mỗi người được sống theo đúng giới tính của mình.
- Việc xác định lại giới tính phải được tiến hành trên nguyên tắc tự nguyện, khách quan, trung thực, khoa học và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đã xác định lại giới tính.

3. Giữ bí mật về các thông tin liên quan đến người được xác định lại giới tính, trừ trường hợp có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cung cấp hồ sơ phục vụ cho việc kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố và xét xử liên quan đến việc xác định lại giới tính.

Điều 4. Hành vi bị nghiêm cấm

1. Thực hiện việc chuyển đổi giới tính đối với những người đã hoàn thiện về giới tính.
2. Thực hiện việc xác định lại giới tính khi chưa được phép của Bộ Y tế hoặc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.
3. Tiết lộ thông tin về việc xác định lại giới tính của người khác.
4. Phân biệt đối xử đối với người đã xác định lại giới tính.

Chương II

TIÊU CHUẨN Y TẾ ĐỂ XÁC ĐỊNH LẠI GIỚI TÍNH

Điều 5. Tiêu chuẩn y tế xác định khuyết tật bẩm sinh về giới tính

1. Nam lưỡng giới giả nữ:
 - a) Bộ phận sinh dục có dương vật nhỏ, có thể sờ thấy tinh hoàn hoặc không, siêu âm hoặc nội soi thấy tinh hoàn, không có tử cung và buồng trứng;
 - b) Nhiễm sắc thể giới tính là XY hoặc gen biệt hóa tinh hoàn dương tính hoặc kết hợp cả hai trường hợp trên.
2. Nữ lưỡng giới giả nam:
 - a) Bộ phận sinh dục có âm vật phát triển như dương vật nhưng không sờ thấy tinh hoàn, siêu âm hoặc nội soi thấy có tử cung, buồng trứng, không thấy tinh hoàn;
 - b) Nhiễm sắc thể giới tính là XX.
3. Lưỡng giới thật:
 - a) Bộ phận sinh dục không xác định được là nam hay nữ. Tuyến sinh dục có cả tổ chức tinh hoàn, buồng trứng;
 - b) Nhiễm sắc thể giới tính có thể là một trong các dạng XX/XY; XXX/XY; XX/XXXXY hoặc các dạng nhiễm sắc thể khác được xác định là lưỡng giới thật.

Điều 6. Tiêu chuẩn y tế xác định giới tính chưa được định hình chính xác

Nhiễm sắc thể giới tính có thể giống như trường hợp nữ lưỡng giới giả nam hoặc nam lưỡng giới giả nữ hoặc lưỡng giới thật nhưng bộ phận sinh dục chưa được biệt hóa hoàn toàn và không thể xác định chính xác là nam hay nữ.

Chương III

QUY TRÌNH CAN THIỆP Y TẾ ĐỂ XÁC ĐỊNH LẠI GIỚI TÍNH

Điều 7. Hồ sơ, thủ tục về y tế đề nghị xác định lại giới tính

1. Hồ sơ đề nghị xác định lại giới tính bao gồm: